TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST Ngày 14-9-2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Thị Hương

Ông Ngô Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Á, sinh năm 1980. ĐKHKTT: khu T, phường A, quận D, Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Đức T, sinh năm 1978. Nơi thường trú: khu T, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng (bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 02/2018/QĐDS - ST ngày 28/6/2018); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2018, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đức T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện K (nay là phường A, quận D), Hải Phòng. Sau khi cưới, chị và anh T chung sống hòa thuận. Đến năm 2006 thì giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, không hạnh phúc. Anh T thường xuyên đi vắng nhà, không quan tâm tới vợ con. Đến năm 2014, anh T đã đi khỏi nhà, từ đó không còn liên lạc với chị và gia đình. Chị đã nhiều lần tìm kiếm thông tin về anh T qua gia đình, bạn bè và người quen nhưng không có kết quả. Vì vậy, chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận D tuyên bố anh T mất tích. Ngày 28/6/2018, Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã có quyết định tuyên bố anh Phạm Đức T mất tích. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Thị Việt A, sinh ngày 05/8/2004 và Phạm Việt C, sinh ngày 06/8/2013, cả hai con hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị nhận nuôi cả hai con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã T hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T là người bị tuyên bố mất tích nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Á vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn anh T. Về con chung, chị nhận nuôi cả hai con chung. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Á được ly hôn anh T; về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị Á, giao cả hai con chung cho chị Á nuôi; về tài sản chung vợ chồng, chị Á không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Chị Á có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết ly hôn với anh T có nơi cư trú cuối cùng tại phường A, quận D, Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh T bỏ nhà đi từ năm 2014, không có mặt tại địa phương và đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích. Trong quá trình giải quyết Tòa án cũng T hành niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng của anh T tuy nhiên anh T không có thông tin gì nên không T hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử và giải quyết vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

- *Về quan hệ hôn nhân:*

[3] Chị Nguyễn Thị Á và anh Phạm Đức T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Quá trình chung sống, chị Á và anh T có phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2014, anh T đã bỏ nhà đi đến nay không có tin tức gì. Tại quyết định số 02/2018/QĐDS - ST ngày 28/6/2018, Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã tuyên bố anh Phạm Đức T mất tích. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Á và anh T đã không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Á về việc xin ly hôn anh T là phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

- *Về con chung:*

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, anh T đã bị tuyên bố là người mất tích, nguyện vọng của chị Á đề nghị được cả hai con là phù hợp với thực tế và nguyện vọng cháu Phạm Thị Việt Anh nên cần chấp nhận. Giao hai con chung là Phạm Thị Việt A, sinh ngày 05/8/2004 và Phạm Việt C, sinh ngày 06/8/2013 cho chị Á nuôi theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Á không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:*

[6] Chị Á không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- *Về án phí*

[7] Chị Á là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo:*

[8] Chị Á và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Á và anh Phạm Đức T

2. Về con chung: Giao cho chị Á nuôi hai con chung là Phạm Thị Việt A, sinh ngày 05/8/2004 và Phạm Việt C, sinh ngày 06/8/2013 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Á phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0014410 ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận D, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Á có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Đức T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND t hành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường A quận D, Hải Phòng (số 22 Q1 năm 2004);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Trung